

MÔN HỌC:

ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

GIẢNG VIÊN:

TS. PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG

Email: phuongchunbk@gmail.com



CHƯƠNG VII.
**ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ
VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**



Văn hóa là gì?

* Trong mục Đọc sách ở phần cuối tập Nhật ký trong tù (1942-1943), Hồ Chí Minh đã viết: “Ý nghĩa của văn hoá là: Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra những ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó, mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.



- Định nghĩa về văn hoá của ông F.Moyor, nguyên Tổng Giám đốc UNESCO, được nhiều nước chấp nhận là: "Văn hoá là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo (của các cá nhân và các cộng đồng) trong quá khứ và hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động đó hình thành nên hệ thống các giá trị, các truyền thống và thị hiếu, những yếu tố các định đặc tính riêng của dân tộc".
- Văn hóa là tổng thể những nét riêng biệt về tinh thần và vật chất, trí tuệ và xúc cảm quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật, văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị cơ bản, những tập tục và những tín ngưỡng. Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân. Chính văn hóa làm cho con người trở thành sinh vật đặc biệt nhân bản, có lý tính, có óc phê phán và dẫn thân một cách có đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi không biết mệt những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình mới mẻ, nhưng công trình vượt trội bản thân.
- Ngày 3/11/2002, Đại hội đồng UNESCO đã ra tuyên bố toàn cầu về Đa dạng văn hoá, với nhận định chung là: "Văn hoá nên được xem là một tập hợp các đặc điểm nổi bật về mặt tinh thần, vật chất, trí thức và tình cảm của xã hội hay một nhóm xã hội, và ngoài văn chương và nghệ thuật thì văn hoá còn bao gồm lối sống, cách thức cùng chung sống, các hệ thống giá trị, truyền thống và tín ngưỡng".



I. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

1. Thời kỳ trước đổi mới

a). Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới

- Từ 1930 - 1945:

Trong 15 năm Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), mặc dù Đảng đã nhận thức được vai trò quan trọng của văn hóa nhưng do chưa giành được độc lập dân tộc cho nên Đảng đã khai thác văn hóa nhằm phục vụ cho mục tiêu chiến lược là đấu tranh giành chính quyền.

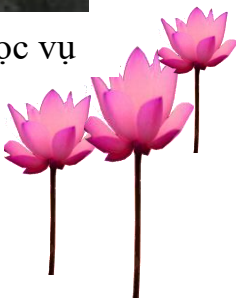
- Từ 1945 – 1975

Đảng xác định đường lối xây dựng và phát triển văn hoá với nội dung cốt lõi là chủ trương tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hoá đồng thời với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng kỹ thuật và xây dựng, phát triển nền văn hoá mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân.





Phong trào bình dân học vụ



b. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- Kết quả, ý nghĩa:

- + Xóa bỏ nền văn hóa nô dịch phản động của chủ nghĩa thực dân cũ cũng như những di sản văn hóa lạc hậu của chế độ phong kiến, xây dựng nền văn hóa dân tộc có tính dân tộc, khoa học, đại chúng.
- + Phát triển hệ thống giáo dục, cải cách phương pháp dạy học, xây dựng đời sống mới, chống lại những luật tục lạc hậu.
- + Động viên nhân dân thực hiện thành công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược vào năm 1954.
- + Sự nghiệp văn hóa giáo dục trong những năm 1960 – 1975 phát triển nhanh ngay cả trong điều kiện có chiến tranh.
- + Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phát triển đa dạng, góp phần động viên nhân dân xây dựng miền Bắc - hậu phương xã hội chủ nghĩa, làm cơ sở đấu tranh thống nhất nước nhà năm 1975.
- + Công tác giáo dục, đào tạo; kinh tế giao thông đến năm 1985 được tăng cường hơn so với năm 1975.



- Hạn chế, nguyên nhân

- + Việc xây dựng thể chế văn hóa còn chậm
- + Sự suy thoái về đạo đức, lối sống
- + Do điểm xuất phát của kinh tế, xã hội, văn hoá sau 1945 cũng như sau 1954 thấp, lại có chiến tranh.
- + Do cơ chế kinh tế không hợp lý trong điều kiện thời bình, tính bình quân chủ nghĩa đã kìm hãm động lực văn hoá.



2. Trong thời kỳ đổi mới

a. *Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá*

Tư duy đổi mới văn hoá của Đảng ta được hình thành qua các Đại hội Đại biểu toàn quốc (từ đại hội VI - Đại hội X) và những Hội nghị TW của Đảng:

- Đại hội VI (12/1986) đã đề ra chủ trương đổi mới toàn diện của Đảng
- Đại hội VII (6/1991), đã thông qua Cương lĩnh “Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”
- Hội nghị TW 4 (Khoá VII), khẳng định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, cũng là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.
- Đại hội VIII (26/6 - 1/7/1996): KH và GD đóng vai trò then chốt, là một động lực...
- Nghị quyết TW5 (Khoá VIII), là mốc đánh dấu sự đổi mới toàn diện trong tư duy về văn hoá của Đảng ta trong công cuộc đổi mới kể từ năm 1986, đã xác định các quan điểm, nhiệm vụ, biện pháp xây dựng và phát triển nền văn hoá mới ở VN
- Hội nghị TW 10 (Khoá IX), trên cơ sở tổng kết 5 năm thực hiện Nghị Quyết TW 5 (Khoá VIII) đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu để tiếp tục xây dựng và phát triển văn hoá trong thời kỳ mới.
- Đại hội X (2006): tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế – xã hội, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

b. Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hoá

- Thứ nhất, văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội
- Thứ hai, nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
- Ba là, nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Bốn là, xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.
- Năm là, văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.



d. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- Kết quả và ý nghĩa:

- + Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới (qui mô, loại hình đào tạo, cơ sở vật chất đầu tư cho giáo dục và đào tạo...)
- + Môi trường văn hoá chuyển biến theo hướng tích cực (hợp tác quốc tế...)
- + Văn hoá phát triển (xây dựng đời sống văn hoá mới và nếp sống văn minh trên phạm vi cả nước có những bước tiến rõ rệt)
- + Khoa học và công nghệ có bước phát triển, phục thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế và xã hội



- Hạn chế:

- + Những thành tựu, tiến bộ về văn hoá chưa đáp ứng được yêu cầu trong đổi mới, chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực xã hội trong đó có lĩnh vực tư tưởng.
- + Đạo đức, lối sống tiếp tục có những diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân
- + Văn hoá, văn nghệ, giáo dục còn có những hạn chế, bất cập (chưa có những tác phẩm có sức thuyết phục trong đời sống, công tác kiểm duyệt sản phẩm văn hoá du nhập nhập từ bên ngoài hoặc được sản xuất trong nước chưa chặt chẽ) nên chưa thật sự trở thành ngọn đuốc “soi đường cho quốc dân đi”
- + Việc xây dựng thể chế văn hoá còn chậm và chưa thật đồng bộ nên hạn chế tác động của văn hoá đối với đời sống kinh tế – xã hội.



- Nguyên nhân hạn chế:

- + Nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá chưa thật đầy đủ, các quan điểm chỉ đạo chưa được quán triệt sâu sắc, do đó ảnh hưởng đến việc thực hiện.
- + Việc xây dựng cơ chế, chính sách, g/pháp xây dựng và p/triển VH còn chậm.
- + Một bộ phận những người trực tiếp làm công tác văn hoá có biểu hiện chạy theo chủ nghĩa thực dụng (ảnh hưởng của kinh tế thị trường).



II. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ CHỦ TRƯỞNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Thời kỳ trước đổi mới

a. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội

- Giai đoạn 1945-1954: thực hiện nhiệm vụ “kháng chiến, kiến quốc” – Chính phủ chủ trương và hướng dẫn nhân dân chủ động và tự tổ chức giải quyết các vấn đề X
- Giai đoạn 1955-1975: nhà nước bao cấp tràn lan dựa vào viện trợ.
- Giai đoạn 1975-1985: khủng hoảng KT-XH nghiêm trọng, viện trợ giảm dần, bị bao vây, cô lập, cấm vận



b. Đánh giá việc thực hiện đường lối

- Kết quả và ý nghĩa:

Trong những năm 1975 – 1985, trong điều kiện thời bình, nhưng xung đột biên giới đã xảy ra, vì thế vấn đề xã hội đã được Đảng ta đặt ra trong Đại hội IV và Đại hội V về cơ bản nhằm mục tiêu lâu dài là vì con người, nhưng trước mắt được hướng vào việc bảo vệ biên giới ở hai đầu của Tổ quốc.

- Hạn chế, nguyên nhân:

+ Trong một thời gian dài, trong điều kiện có chiến tranh, vấn đề xã hội đã được Đảng và Nhà trực tiếp lãnh đạo nhưng chưa đạt được như mong muốn

+ Mặc dù Đại hội IV xác định về nguyên tắc phân phối là “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”, nhưng trên thực tế là thực hiện chế độ phân phối bình quân, dẫn đến hạn chế, kìm hãm tính tích cực và năng động của người lao động, tạo nên xã hội “ổn định” trong khó khăn, trì trệ.

+ Có nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng điều cần phải nhấn mạnh là những nguyên nhân chủ quan như bố trí chiến lược kinh tế, nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, kéo dài việc duy trì cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp trong điều kiện có hoà bình. Nguyên nhân bao trùm trong các nguyên nhân là xuất phát từ công tác “tư tưởng, tổ chức, cán bộ”.



2. Trong thời kỳ đổi mới

a. Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội

- Đại hội VI (12/1986) chủ trương đổi mới về vấn đề xã hội: xác định mục tiêu bao trùm là “...ổn định mọi mặt tình hình kinh tế – xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá XHCN...”

- Đại hội VIII (6/1996): tập trung sức tạo việc làm (khuyến khích cá nhân kinh doanh theo pháp luật; cân đối lao động trên cả nước; đẩy mạnh xuất khẩu lao động...); thực hiện xoá đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, bảo hiểm xã hội và các hoạt động nhân đạo từ thiện; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể chất của nhân dân; đẩy mạnh công tác kế hoạch hoá dân số và gia đình; đẩy lùi tệ nạn xã hội.

- Đại hội X (4/2006):

+ Khẳng định trong những năm tới cần đặt việc giải quyết các vấn đề xã hội và văn hoá lên nhanh hơn nữa, tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế.

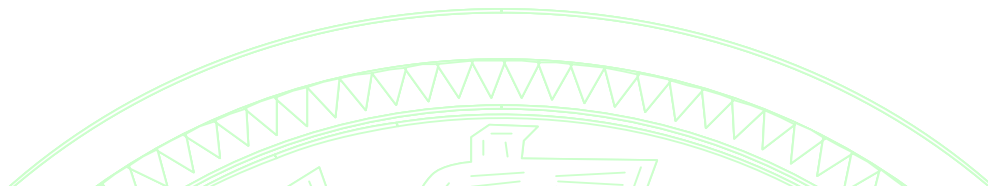
+ Chủ trương kết hợp chặt chẽ, hợp lý các mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, từng lĩnh vực, từng địa phương

+ Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, gắn cống hiến với hưởng thụ.

+ Xây dựng chương trình Quốc gia về sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi.

+ Đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, các chính sách ưu đãi xã hội.





Diễu hành trong khai
thức lễ hội

Phố Tràng Tiền - nơi lưu giữ nhiều dấu
ấn kiến trúc Pháp

Trình diễn đi cà kheo
dân gian tại Lễ hội du

Đạo quanh phố phường Hà Nội bằng
xích lô là
thú vui của du khách
quốc tế và là nét riêng

b. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội

- Thứ nhất, kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội
 - Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, công bằng xã hội trong từng chính sách phát triển
- Thứ ba, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ
- Thứ tư, coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI), chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội



c. Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

- Một là, khuyến khích làm giàu theo Luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói giảm nghèo
- Hai là, đảm bảo dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng
- Ba là, phát triển hệ thống y tế công bằng, hiệu quả
- Bốn là, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao s/khoẻ và cải thiện giống nòi
- Năm là, thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình
- Sáu là, chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội
- Bảy là, đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng



d. Đánh giá sự thực hiện đường lối

- Kết quả và ý nghĩa

- + Dân số, việc làm được giải quyết tốt hơn
- + Lương và thu nhập cơ bản tăng
- + Giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe được đẩy mạnh
- + Đã có những nỗ lực trong việc giải quyết ô nhiễm môi trường, chống tệ nạn xã hội.



- Hạn chế và nguyên nhân

- + Hiện nay, VN vẫn đang phải đối mặt với áp lực gia tăng dân số, trình độ dân trí còn thấp ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, xã hội. Việc làm, phân hoá giàu nghèo cũng đang là vấn đề bức xúc và nan giải. Tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường đang gia tăng.
- + Công tác quản lý còn hạn chế, chưa theo kịp sự phát triển kinh tế xã hội; tăng trưởng kinh tế chưa thật sự gắn kết với chính sách xã hội.



Trọng tâm ôn tập

1. Văn hóa là gì? Phân biệt “văn hóa” với “văn minh”?
2. Phân tích quan điểm xây dựng nền văn hóa mới của Đảng? Thành tựu, hạn chế của quá trình xây dựng nền văn hóa mới?
3. Phân tích nhận thức của Đảng đường lối văn hóa và chính sách xã hội thời kỳ đổi mới?
4. Phân tích những nội dung cơ bản trong đường lối văn hóa của Đảng thời kỳ đổi mới?
5. Phân tích những nội dung cơ bản của chính sách xã hội trước đổi mới?
6. Phân tích quan điểm chỉ đạo và biện pháp thực hiện chính sách xã hội thời kỳ đổi mới? Kết quả quá trình thực hiện chính sách xã hội từ năm 1986 đến nay?

